

Số: 134/STP-HCTP

Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 01 năm 2023

V/v khó khăn, vướng mắc, kiến nghị
xin ý kiến hướng dẫn nghiệp vụ hộ tịch,
chứng thực

Kính gửi: Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực – Bộ Tư pháp

Năm 2022, Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế đã tổ chức Hội nghị tập huấn chuyên đề về công tác hộ tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, Bồi thường nhà nước cho 09 Phòng Tư pháp các huyện và 142 phường xã trên địa bàn tỉnh (gần 300 công chức tư pháp, hộ tịch tham dự), thông qua Hội nghị, Sở Tư pháp đã hướng dẫn, trả lời, tháo gỡ những bất cập, khó khăn, vướng mắc cho địa phương trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, địa phương vẫn còn gặp một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng các văn bản quy định về hộ tịch, chứng thực, Sở Tư pháp tổng hợp, xin ý kiến hướng dẫn nghiệp vụ của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực – Bộ Tư pháp, cụ thể như sau:

I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH

1. Luật hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định công dân được cấp lại bản chính Giấy khai sinh, các cơ quan đăng ký hộ tịch tại địa phương đã chấp hành nghiêm túc, nhưng qua thực tế vẫn còn một số cơ quan yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu gây khó khăn cho công dân (*công dân làm hồ sơ xuất khẩu lao động, đi du học ở nước ngoài, đoàn tụ ở nước ngoài ... các cơ quan nước ngoài thường yêu cầu phải xuất trình*). Xuất phát từ thực tiễn, Sở Tư pháp kiến nghị Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực xem xét, nghiên cứu khi sửa đổi Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Biểu mẫu đăng ký kết hôn chỉ có nội dung ngày, tháng, năm đăng ký kết hôn nhưng không có nội dung ghi về ngày, tháng, năm xác lập hôn nhân đối với những trường hợp đăng ký lại kết hôn, đăng ký hôn nhân thực tế do đó chỉ căn cứ vào giấy kết hôn vẫn chưa thể hiện được ngày hôn nhân có hiệu lực đối với các trường hợp đăng ký lại kết hôn. Do vậy, Sở Tư pháp kiến nghị đưa thêm phần ghi ngày, tháng, năm xác lập quan hệ hôn nhân, ngày, tháng, năm xác lập hôn nhân thực tế vào biểu mẫu giấy đăng ký kết hôn (*mặc dù khoản 2 Điều 32 Thông tư số 04/2020/TT-BTP đã hướng dẫn ghi ngày, tháng, năm xác lập quan hệ hôn nhân được ghi vào mặt sau Giấy chứng nhận kết hôn chưa thực sự hợp lý*).

3. Hiện nay, trong mẫu Trích lục khai tử bản chính và Trích lục khai tử bản sao không có mục “**nguyên nhân chết**”, chỉ quy định ghi “nguyên nhân chết” trong Tờ khai đăng ký khai tử và Sổ đăng ký khai tử, nên dẫn đến khó khăn trong việc xác định nguyên nhân chết để người thân cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết hồ sơ khi có yêu cầu. Một số công dân cho rằng công chức tư pháp – hộ tịch ghi thiếu nội dung về “nguyên nhân chết”, công chức đã giải thích nhưng một số công dân không đồng ý nên địa phương gặp nhiều khó

khăn. Vì vậy, Sở Tư pháp kiến nghị cần có phương án thống nhất về Tờ khai và Trích lục chứng tử.

4. Theo quy định tại Điều 69, Điều 70 Luật Hộ tịch quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện về thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch do UBND cấp huyện, UBND cấp xã cấp trái quy định của Luật Hộ tịch, tuy nhiên không quy định cụ thể trình tự, thủ tục về thu hồi hủy bỏ nên gây khó khăn trong quá trình thực hiện.

5. Sổ hộ tịch có phân ghi về giấy tờ tùy thân, yêu cầu ghi đủ cả 4 thông tin gồm: Loại giấy tờ hộ tịch, số giấy tờ, ngày tháng năm cấp và nơi cấp. Tuy nhiên phân khoảng trống trong sổ hộ tịch in sẵn chỉ có chưa đầy một hàng nên không thể ghi đầy đủ được các thông tin trên, nếu ghi đầy đủ thì phải lấn sang các phần khác. Do vậy, Sở Tư pháp kiến nghị khi in sổ hộ tịch cần thêm một hàng trống để điền nội dung về giấy tờ tùy thân cho phù hợp với nội dung thực tế phải điền.

6. Theo quy định tại khoản 1, Điều 02 Thông tư 04/2020/TT-BTP thì *“Người yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch, cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, yêu cầu đăng ký các việc hộ tịch theo quy định tại Điều 3 Luật hộ tịch được ủy quyền cho người khác thực hiện thay...Việc ủy quyền phải lập thành văn bản, được chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.”*

Trên thực tế khi tiếp nhận hồ sơ địa phương nhận thấy đa số Văn bản ủy quyền có thể không phải chính bản thân của người ủy quyền tự tạo lập và soạn thảo, có thể người được ủy quyền tự lập hoặc nhờ người khác lập để bảo đảm thủ tục. Do vậy, Sở Tư pháp kiến nghị cần xem xét quy định lại việc ủy quyền đối với những người thân thích, ruột thịt nêu trên cho phù hợp, chặt chẽ.

7. Khoản 5 Điều 6 Nghị định số 24/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP), quy định:

“2. Căn cứ vào Giấy chứng nhận nuôi con nuôi, theo yêu cầu của cha mẹ nuôi và sự đồng ý của con nuôi từ đủ chín tuổi trở lên, cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền thực hiện việc thay đổi họ, chữ đệm và tên của con nuôi theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật về hộ tịch.

3. Việc bổ sung, thay đổi thông tin về cha, mẹ trong Giấy khai sinh của con nuôi được thực hiện theo quy định của pháp luật về hộ tịch.”

Điều 29 Luật Hộ tịch quy định: *“Trường hợp bổ sung vào Giấy khai sinh thì Công chức tư pháp – hộ tịch ghi bổ sung vào mục tương ứng và đóng dấu vào nội dung bổ sung”.*

Theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 20 Thông tư số 04/2020/TT-BTP thì: *“Nếu giấy khai sinh và sổ đăng ký khai sinh có đủ phần khai về cha và mẹ thì theo yêu cầu của cha nuôi hoặc mẹ nuôi sau khi UBND cấp xã cấp trích lục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch thì công chức làm công tác hộ tịch ghi nội dung thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch vào mục ghi chú của sổ hộ tịch hoặc mặt sau của bản chính giấy tờ hộ tịch theo quy định”.*

Việc thực hiện ghi những thông tin thay đổi về bố mẹ nuôi tại mặt sau Giấy khai sinh của trẻ sẽ không đảm bảo vấn đề giữ bí mật thông tin đối với

người được nhận nuôi và người nhận nuôi, Sở Tư pháp kiến nghị sửa đổi Thông tư số 04/2020/TT-BTP theo hướng phù hợp nhằm đảm bảo bí mật thông tin của người được nhận nuôi và người nhận nuôi.

II. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC

Đề nghị Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực kiến nghị Bộ Tư pháp xem xét sửa đổi, bổ sung Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, Thông tư số 01/2020/TT-BTP từ các khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định:

1. Tại Điều 14 Thông tư số 01/2020/TT-BTP quy định về Chứng thực chữ ký trên Giấy ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP như sau:

"1. Việc ủy quyền theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thỏa mãn đầy đủ các điều kiện như không có thù lao, không có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền và không liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng bất động sản thì được thực hiện dưới hình thức chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền.

2. Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này, việc chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Ủy quyền về việc nộp hồ, nhận hồ hồ sơ, giấy tờ, trừ trường hợp pháp luật quy định không được ủy quyền;

b) Ủy quyền nhận hộ lương hưu, bưu phẩm, trợ cấp, phụ cấp;

...

Nên bãi bỏ điểm a, b khoản 2 Điều 14 Thông tư số 01/2020/TT-BTP mà áp dụng điểm d khoản 4 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: *"Chứng thực chữ ký trong Giấy ủy quyền đối với trường hợp ủy quyền không có thù lao, không có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền và không liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng bất động sản"* để mở rộng nội dung ủy quyền cho người có yêu cầu chứng thực chữ ký giấy ủy quyền không vi phạm điểm d khoản 4 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và hạn chế phải thực hiện các thủ tục theo quy định về chứng thực hợp đồng, giao dịch.

2. Theo quy định tại khoản 3, Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký được thì phải điếm chỉ; nếu người đó không đọc được, không nghe được, không ký, không điếm chỉ được thì phải có 02 (hai) người làm chứng, quy định này gây khó khăn trong việc tìm thêm người làm chứng trong khi đó theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì người yêu cầu chứng thực phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch; người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điếm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.

3. Hồ sơ khai nhận di sản thừa kế, phân chia di sản thừa kế còn quy định chung chung, chưa quy định cụ thể về từng loại thừa kế. Vì có 2 trường hợp thừa kế gồm thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật, kiến nghị xem xét, sửa đổi các quy định của pháp luật theo hướng hồ sơ về thừa kế là thủ tục riêng.

4. Các trường hợp chứng thực về văn bản khai nhận di sản thừa kế, văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP không quy định thời hạn niêm yết, dẫn đến việc xử lý các trường hợp như khai thiếu người thừa kế sẽ khó khăn hơn.

5. Các loại giấy tờ được làm giả ngày càng tinh vi; Nghị định 23/2015/NĐ-CP quy định, khi tiến hành chứng thực bản sao từ bản chính sẽ không phải lưu trữ. Với quy định này, thực tế có thể phát sinh trường hợp bản sao đã được chứng thực nhưng người yêu cầu chứng thực có hành vi gian dối là sửa chữa bản sao sau khi đã được chứng thực. Việc không lưu trữ bản sao vô tình khiến cơ quan thực hiện chứng thực không có cơ sở để đối chiếu khi có tranh chấp, sai sót xảy ra..., kiến nghị xem xét, sửa đổi khoản 2 Điều 14 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP cho phù hợp.

Trên đây là nội dung các khó khăn, vướng mắc phát sinh tại tỉnh Thừa Thiên Huế trong quá trình triển khai công tác hộ tịch, chứng thực, Sở Tư pháp kính gửi Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực – Bộ Tư pháp xem xét, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Sở;
- PTP các huyện, thị xã, tp. Huế;
- Trang TTĐT (Đ/c Ngự);
- Lưu: VT, HCTP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hưng